Signature Not Verified
ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ ĐẠI ĐỒNG
ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH HƯNG YÊN
04/08/2025 15:29:45

ỦY BAN NHÂN DÂN **XÃ ĐẠI ĐỒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06/KH-UBND	*Đại Đồng, ngày 28 tháng 7 năm 2025*

KẾ HOẠCH
Cải cách hành chính nhà nước xã Đại Đồng 6 tháng cuối năm 2025

Căn cứ Kế hoạch số 18/KH-UBND ngày 21/7/2025 của UBND tỉnh Hưng Yên về Cải cách hành chính nhà nước tỉnh Hưng Yên 6 tháng cuối năm 2025. Ủy ban nhân dân xã ban hành Kế hoạch cải cách hành chính (CCHC) xã Đại Đồng 6 tháng cuối năm 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Triển khai công tác cải cách hành chính (CCHC) một cách kịp thời, thông suốt và hiệu quả, phù hợp với mô hình tổ chức chính quyền địa phương hai cấp chính thức đi vào hoạt động từ ngày 01/7/2025 và đáp ứng mục tiêu, tiến độ cải cách được Chính phủ đề ra tại Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2025 ban hành Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021 - 2030.

2. Yêu cầu

a) Các phòng, ban, đơn vị, địa phương nhận thức đầy đủ, xác định công tác CCHC là nhiệm vụ trọng tâm, đột phá, thường xuyên trên cơ sở tình hình thực tế của phòng, ban đơn vị, địa phương mình để triển khai thực hiện. Các nội dung CCHC phải được triển khai đồng bộ; xác định cụ thể các nhiệm vụ, giải pháp, bảo đảm hoàn thành đúng tiến độ và chất lượng đề ra.

b) Xác định rõ trách nhiệm người đứng đầu của các phòng, ban, đơn vị, địa phương trong quá trình triển khai thực hiện các nhiệm vụ CCHC; bảo đảm nâng cao năng lực, kỹ năng thực thi công vụ, ý thức trách nhiệm, đạo đức công vụ, đạo đức nghề nghiệp.

c) Kế thừa, phát huy những kinh nghiệm, ưu điểm, kết quả đạt được trong thực hiện CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương giai đoạn vừa qua; chủ động nghiên cứu, sáng tạo, quyết liệt áp dụng những giải pháp mới để CCHC là khâu đột phá trong quản lý hành chính nhà nước.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Phấn đấu các Chỉ số sau đây trong năm 2025 nằm trong nhóm 10 địa phương dẫn đầu tỉnh và có điểm Chỉ số tăng cao hơn so với năm 2024: Chỉ số CCHC (PAR INDEX); Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công cấp xã (PAPI); Chỉ số đo lường sự hài lòng của người dân và tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước (SIPAS).

2. Chỉ tiêu cụ thể

2.1. Cải cách thể chế

a) 100% văn bản quy phạm pháp luật (QPPL) do xã ban hành bảo đảm đúng trình tự, thủ tục theo quy định của pháp luật và tình hình thực tế của địa phương.

b) 100% văn bản QPPL về phòng, chống tham nhũng; thực hành tiết kiệm chống lãng phí được tuyên truyền, phổ biến đến cán bộ, công chức, viên chức và người dân.

c) 100% văn bản QPPL còn hiệu lực thi hành được cập nhật vào Cơ sở dữ liệu quốc gia về pháp luật theo quy định.

d) 100% Quyết định của Ủy ban nhân dân xã được kiểm tra ngay sau khi được ban hành.

2.2. Cải cách thủ tục hành chính (TTHC)

a) Trên 98% hồ sơ TTHC được trả kết quả giải quyết đúng hạn hoặc trước hạn; 100% hồ sơ TTHC giải quyết quá hạn phải thực hiện xin lỗi cá nhân, tổ chức theo đúng quy định.

b) Phấn đấu đạt 100% hồ sơ và kết quả giải quyết TTHC được số hóa trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh theo quy định đối với các TTHC bắt buộc phải số hóa và quy định trả kết quả bản giấy cho người dân, doanh nghiệp.

c) Mức độ hài lòng của người dân, doanh nghiệp về giải quyết TTHC đạt tối thiểu 90%. Trong đó, mức độ hài lòng về giải quyết các TTHC lĩnh vực đất đai, xây dựng, đầu tư đạt tối thiểu 85%.

d) 100% TTHC nội bộ giữa cơ quan hành chính nhà nước được công bố, công khai và rà soát, đơn giản hóa theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

đ) 100% hồ sơ TTHC phát sinh giữa các cơ quan, tổ chức có đủ điều kiện được thực hiện dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc một phần và sử dụng dịch vụ bưu chính công ích.

e) 100% hồ sơ TTHC được cập nhật kịp thời trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và đồng bộ, công khai trên Cổng Dịch vụ công quốc gia.

g) 100% TTHC có đủ điều kiện được cung cấp trực tuyến toàn trình, trong đó ít nhất 80% TTHC được tích hợp, cung cấp trên Cổng dịch vụ công quốc gia; tỷ lệ hồ sơ trực tuyến toàn trình đạt từ 70% trở lên.

h) Tối thiểu 80% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được triển khai thanh toán trực tuyến; tỷ lệ giao dịch thanh toán trực tuyến đạt từ 60% trở lên trên tổng số giao dịch thanh toán có phát sinh phí, lệ phí TTHC.

i) 100% phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc thẩm quyền quản lý của Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã được tổ chức tiếp nhận, xử lý, công khai kết quả xử lý theo đúng quy định.

2.3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

a) Quản lý, sử dụng có hiệu quả biên chế, tổ chức bộ máy, vị trí việc làm. Thực hiện sắp xếp, giảm số lượng tổ chức hành chính theo chương trình, Kế hoạch của tỉnh; giảm đơn vị sự nghiệp công lập bảo đảm đạt và vượt tỷ lệ doTỉnh ủy, Ủy ban nhân dân tỉnh giao.

b) Thực hiện giảm biên chế công chức, số lượng người làm việc hưởng lương từ ngân sách nhà nước bảo đảm theo lộ trình, kế hoạch của Trung ương và của tỉnh.

c) Xây dựng Kế hoạch tuyển dụng viên chức năm 2025 đối với số biên chế chưa sử dụng thuộc đơn vị sự nghiệp công lập do ngân sách nhà nước bảo đảm chi thường xuyên và đơn vị sự nghiệp công lập tự bảo đảm một phần chi thường xuyên.

d) Kịp thời giải quyết chế độ, chính sách nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc ngay đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động theo quy định của Trung ương và của tỉnh.

đ) Mức độ hài lòng của người dân, tổ chức đối với sự phục vụ của cơ quan hành chính nhà nước đạt tối thiểu 90%. Mức độ hài lòng của người dân về cung cấp dịch vụ y tế, giáo dục công lập đạt tối thiểu 85%.

2.4. Cải cách chế độ công vụ

a) 100% phòng, ban được phê duyệt (điều chỉnh) đề án vị trí việc làm sau khi thực hiện sáp nhập, hợp nhất theo chương trình, kế hoạch của tỉnh bảo đảm theo quy định.

b) Thực hiện, sắp xếp cơ cấu công chức, viên chức đúng theo Danh mục vị trí việc làm được phê duyệt tại 100% các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp công lập xã.

c) Kịp thời thực hiện các chế độ, chính sách theo quy định hiện hành cho 100% cán bộ, công chức, viên chức và người lao động.

d) 100% cán bộ, công chức, viên chức được tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn theo quy định.

đ) 100% cán bộ, công chức, viên chức thực hiện trao đổi hoàn toàn lượng công việc trên môi trường mạng.

e) Hoàn thành việc cập nhật Cơ sở dữ liệu cán bộ, công chức, viên chức của tỉnh bảo đảm theo quy định (đáp ứng đủ 109 trường dữ liệu thông tin), đồng bộ, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về cán bộ, công chức, viên chức của Bộ Nội vụ, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu bảo đảm thông suốt, hiệu quả.

2.5. Cải cách tài chính công

Đến hết năm ngân sách 2025, phấn đấu hoàn thành giải ngân 100% kế hoạch vốn đầu tư công trên địa bàn xã được UBND tỉnh giao.

2.6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Cơ sở hạ tầng kỹ thuật, nền tảng số

- 100% cơ quan nhà nước sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước.

- Đẩy nhanh xây dựng các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các ngành, lĩnh vực.

b) Ứng dụng công nghệ thông tin trong nội bộ cơ quan nhà nước

- 100% văn bản điện tử của cơ quan được gửi, nhận trên môi trường mạng và ký số đầy đủ theo quy định của Nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- Tỷ lệ hồ sơ công việc được tạo lập trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước) tại xã đạt 60%.

- Thực hiện báo cáo định kỳ trên Hệ thống thông tin báo cáo của tỉnh; 100% cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng thực hiện các chế độ báo cáo theo quy định.

- Thực hiện các báo cáo giám sát, kiểm tra của cơ quan cấp trên thể hiện qua môi trường mạng (bằng hình thức báo cáo và trực tiếp trên các hệ thống thông tin dùng chung của tỉnh).

- Hệ thống hội nghị truyền hình được kết nối từ Trung ương đến địa phương, từ cấp tỉnh đến cấp xã được vận hành ổn định, bảo đảm chất lượng.

c) Cung cấp thông tin, dịch vụ công phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Thực hiện chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình đối với 100% TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các phòng, ban trên địa bàn xã để cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh bảo đảm đồng bộ danh mục TTHC với cổng Dịch vụ công quốc gia.

- Đảm bảo cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với 82 nhóm TTHC theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022, Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024, Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ.

- Tối thiểu 80% hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến; tối thiểu 90% người dân, doanh nghiệp hài lòng về việc giải quyết TTHC.

- 60% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia.

- 100% hồ sơ, tài liệu công việc phát sinh từ ngày 01/7/2025 được tạo lập, xử lý trên môi trường điện tử.

- Cổng thông tin điện tử của xã cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và dịch vụ công trực tuyến của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng.

d) Đẩy mạnh kết nối, chia sẻ dữ liệu: Thực hiện kết nối, chia sẻ dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của xã, ngành, lĩnh vực với các cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin của Bộ, ngành Trung ương qua trục LGSP của tỉnh và Trục NDXP quốc gia.

II. NHIỆM VỤ, GIẢI PHÁP

1. Cải cách thể chế

a) Nâng cao chất lượng công tác xây dựng, ban hành văn bản QPPL bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, tính thống nhất, tính khả thi và phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; các văn bản QPPL phải đáp ứng yêu cầu về nội dung, thẩm quyền, thể thức, kỹ thuật trình bày và theo đúng trình tự, thủ tục ban hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

b) Tăng cường triển khai toàn diện về công tác kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa các văn bản QPPL của xã để sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ những quy định không còn phù hợp, bảo đảm tính hợp hiến, hợp pháp, đồng bộ, cụ thể, khả thi.

c) Tổ chức triển khai, thực hiện có hiệu quả công tác tổ chức thi hành pháp luật và theo dõi, đánh giá tình hình thi hành pháp luật; thực hiện điều tra, khảo sát tình hình thi hành pháp luật lĩnh vực trọng tâm, liên ngành trên địa bàn xã hàng năm. Đổi mới công tác kiểm tra, theo dõi, đánh giá việc thực hiện trách nhiệm quản lý nhà nước trong công tác tổ chức thi hành pháp luật. Thực hiện các hoạt động về theo dõi thi hành pháp luật.

d) Thực hiện hiệu quả công tác phổ biến, giáo dục pháp luật. Tăng cường vai trò của người dân, doanh nghiệp, các tổ chức chính trị - xã hội, xã hội - nghề nghiệp và cộng đồng trong phản biện và giám sát thi hành pháp luật

.2. Cải cách thủ tục hành chính

a) Ban hành kịp thời các văn bản chỉ đạo, điều hành làm cơ sở tổ chức triển khai thống nhất, đồng bộ và hiệu quả công tác kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử trên địa bàn xã. Tiếp tục tập trung quán triệt và tổ chức thực hiện nghiêm Chỉ thị số 08/CT-UBND ngày 21/8/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc tăng cường trách nhiệm và nâng cao hiệu quả công tác cải cách TTHC gắn với chuyển đổi số, kịp thời tháo gỡ vướng mắc, khó khăn cho người dân, doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh; Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 22/5/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc chấn chỉnh kỷ luật, kỷ cương, ngăn chặn sai phạm trong giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn tỉnh và các văn bản chỉ đạo, điều hành khác về cải cách, kiểm soát TTHC; triển khai thực hiện Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng dịch vụ công quốc gia; Kế hoạch số 137/KH-UBND ngày 30/6/2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh triển khai Nghị định số 118/2025/NĐ-CP.

b) Thường xuyên rà soát, kiện toàn, tham gia tập huấn nghiệp vụ và bảo đảm chế độ cho hệ thống cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC; công chức, viên chức làm việc tại Bộ phận Một cửa và công chức, viên chức tham gia quá trình giải quyết TTHC tại các cơ quan trên địa bàn xã; tập trung tham gia tập huấn, bồi dưỡng về thực hiện Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp; sử dụng tài khoản VneID trong thực hiện TTHC; số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC và tái sử dụng dữ

liệu số hóa trong giải quyết TTHC; kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin; quy trình tiếp nhận, trả hồ sơ; kỹ năng giao tiếp với người dân.

c) Thực hiện nghiêm túc việc đánh giá tác động, tham gia ý kiến và thẩm định quy định về TTHC trong dự thảo văn bản QPPL có quy định về TTHC thuộc thẩm quyền ban hành của xã, bảo đảm chỉ ban hành TTHC hợp pháp, hợp lý và có chi phí tuân thủ thấp nhất.

d) Bảo đảm công bố, công khai đầy đủ, chính xác, kịp thời các TTHC theo quy định để tạo điều kiện thuận lợi cho cá nhân, tổ chức tiếp cận, tìm hiểu, thực hiện và giám sát việc thực hiện TTHC.

đ) Tổ chức thực hiện hiệu quả cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã. Tăng cường hiệu quả công tác phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC, nhất là các nhóm TTHC, dịch vụ công liên thông; hạn chế đến mức thấp nhất việc giải quyết hồ sơ TTHC quá thời hạn quy định. Trong trường hợp giải quyết quá hạn, cơ quan, đơn vị phải thực hiện nghiêm túc trách nhiệm xin lỗi cá nhân, tổ chức và trách nhiệm giải trình với cơ quan nhà nước cấp trên theo quy định. Theo dõi, công bố, công khai, sử dụng kết quả Bộ chỉ số phục vụ người dân, doanh nghiệp trên Cổng Dịch vụ công quốc gia theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ là một căn cứ quan trọng đánh giá kết quả CCHC của các cơ quan, đơn vị.

e) Tập trung nguồn lực đẩy mạnh số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC; thực hiện tái cấu trúc quy trình, cắt giảm, đơn giản hóa TTHC trên cơ sở liên thông điện tử và tái sử dụng dữ liệu để xây dựng, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến, bảo đảm tuân thủ nguyên tắc lấy người dùng làm trung tâm.

g) Tiếp tục thống kê để công bố, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn xã, bảo đảm đúng theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ.

h) Tăng cường tuyên truyền, nâng cao nhận thức và ý thức trách nhiệm của người dân, doanh nghiệp về công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC.

i) Thực hiện tốt công tác tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã.

k) Tăng cường công tác kiểm tra thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC nhằm nâng cao đạo đức công vụ, tăng cường kỷ luật, kỷ cương hành chính.

l) Thực hiện nghiêm túc các chế độ báo cáo về công tác kiểm soát TTHC theo quy định.

3. Cải cách tổ chức bộ máy

a) Kiện toàn, sắp xếp tổ chức bộ máy cơ quan chuyên môn và chính quyền theo hướng tinh gọn, hiệu lực, hiệu quả gắn với thực hiện tinh giản biên chế công chức, viên chức, cơ cấu lại và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức; tập trung rà soát, sắp xếp, tổ chức lại, thực hiện giảm

đơn vị sự nghiệp, nâng cao mức độ tự chủ trong các đơn vị sự nghiệp công lập, trọng tâm là các đơn vị sự nghiệp giáo dục, y tế.

b) Tập trung triển khai đồng bộ, toàn diện các văn bản chỉ đạo của Trung ương, của tỉnh về tổ chức bộ máy, biên chế. Trọng tâm là thực hiện các Chương trình, Kế hoạch, Quyết định của tỉnh về sắp xếp tổ chức bộ máy gắn với mục tiêu tinh giản biên chế. Xây dựng, phê duyệt Đề án tự chủ về thực hiện nhiệm vụ, tổ chức bộ máy, nhân sự, tài chính của các đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn xã, giai đoạn 2025-2030.

c) Triển khai hiệu quả các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh về: hỗ trợ cán bộ, công chức nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc, chuyển công tác giai đoạn 2023-2026; quy định việc hỗ trợ giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học khi được tuyển dụng vào các đơn vị sự nghiệp giáo dục công lập trên địa bàn xã.

d) Triển khai, hướng dẫn các nhiệm vụ có liên quan về sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh bảo đảm tiến độ và đầy đủ nội dung theo quy định.

đ) Thực hiện tinh giản biên chế cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư năm 2025 theo Kế hoạch sử dụng biên chế cán bộ, công chức cấp xã gắn với sắp xếp đơn vị hành chính cấp xã giai đoạn 2023-2025 của tỉnh. Thực hiện bố trí, sắp xếp, giải quyết chế độ, chính sách đối với cán bộ, công chức, người hoạt động không chuyên trách cấp xã dôi dư do sắp xếp đơn vị hành chính.

4. Cải cách chế độ công vụ

a) Tiếp tục hoàn thiện danh mục vị trí việc làm, khung năng lực, bản mô tả vị trí việc làm để làm cơ sở xác định biên chế phù hợp với chức năng, nhiệm vụ và thực tiễn. Thực hiện tốt việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý công chức, viên chức theo vị trí việc làm theo quy định tại Nghị định số 62/2020/NĐ-CP ngày 01/6/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm và biên chế công chức; Nghị định số 106/2020/NĐ-CP ngày 10/9/2020 của Chính phủ về vị trí việc làm, số lượng người làm việc trong đơn vị sự nghiệp công lập và các quy định hiện hành.

b) Thường xuyên rà soát, sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức theo vị trí việc làm phù hợp với chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao. Thực hiện sắp xếp lại cơ cấu tổ chức và tinh giản biên chế đối với công chức hoặc chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp đối với viên chức không làm ảnh hưởng đến việc bố trí nhân sự thực hiện các nhiệm vụ của vị trí việc làm chuyên môn, chuyên ngành; khi thực hiện tổ chức lại sẽ đồng thời cắt giảm biên chế dôi dư (đối với công chức) hoặc chuyển sang hưởng lương từ nguồn thu sự nghiệp (đối với viên chức).

c) Đào tạo, bồi dưỡng: Tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức. Thực hiện Quy định chính sách hỗ trợ đào tạo đối với cán bộ, công chức, viên chức theo quy định của tỉnh Hưng Yên.

d) Chế độ chính sách tiền lương, ngạch, chức danh nghề nghiệp: Triển khai thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã. Triển khai hướng dẫn xếp lại chức danh nghề nghiệp, lương đối với viên chức giáo viên tuyển dụng sau ngày 03/11/2015 theo các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Thống nhất kết quả tuyển dụng viên chức, xếp lương viên chức sau khi tuyển dụng vào làm việc tại các đơn vị sự nghiệp công lập.

đ) Cập nhật Cơ sở dữ liệu về cán bộ công chức viên chức của xã bảo đảm theo quy định.

e) Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra việc sử dụng cán bộ, công chức, viên chức, tình hình chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân sai phạm.

5. Cải cách tài chính công

a) Xác định rõ nhiệm vụ đẩy mạnh phân bổ và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2025 là một trong những nhiệm vụ chính trị trọng tâm hàng đầu cần ưu tiên tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện. Các phòng, ban, ngành khẩn trương hoàn thiện các thủ tục đầu tư các dự án để bảo đảm đủ điều kiện phân bổ vốn chi tiết kế hoạch vốn năm 2025 còn lại chưa phân bổ; kiên quyết không để tình trạng vốn chờ dự án, có vốn mà không giải ngân được. Nắm chắc tình hình cụ thể từng dự án để nhận diện rõ khó khăn, vướng mắc, nguyên nhân giải ngân chậm để kịp thời chỉ đạo, tháo gỡ trong quá trình thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công.

b) Các chủ đầu tư dự án khẩn trương đẩy nhanh tiến độ hoàn thành thủ tục lập, trình thẩm định, quyết định đầu tư các dự án để bảo đảm điều kiện phân bổ hết số vốn còn lại chưa phân bổ theo quy định của Luật Đầu tư công.

c) Cần tập trung thực hiện các biện pháp, giải pháp linh hoạt, kịp thời, hiệu quả để quyết liệt đẩy mạnh thực hiện và giải ngân vốn đầu tư công, đẩy nhanh tiến độ triển khai các công trình, dự án quan trọng có tác động lan tỏa, tạo động lực phát triển, các dự án có thể hoàn thành, đưa vào sử dụng trong năm 2025. Việc đẩy mạnh tiến độ giải ngân vốn đầu tư công năm 2025 phải gắn với bảo đảm chất lượng công trình, dự án, không để xảy ra tiêu cực, thất thoát, lãng phí, lợi ích nhóm.

d) Ủy ban nhân dân xã phân công lãnh đạo phụ trách chịu trách nhiệm theo dõi tiến độ thực hiện và giải ngân dự án theo kế hoạch đề ra; đôn đốc, kịp thời tháo gỡ khó khăn, vướng mắc cho từng dự án; kết quả giải ngân của dự án được phân công theo dõi là căn cứ để đánh giá, bình xét thi đua của cơ quan, đơn vị và mức độ hoàn thành nhiệm vụ năm 2025 của người đứng đầu. Ủy ban nhân dân xã thành lập ban chỉ đạo hoặc tổ công tác chỉ đạo xử lý khó khăn, vướng mắc của các dự án đầu tư công thuộc phạm vi trách nhiệm quản lý của cấp mình.

đ) Chủ đầu tư rà soát, đánh giá khả năng thực hiện và giải ngân của từng dự án để dự kiến phương án điều chỉnh kế hoạch vốn từ dự án chậm giải ngân sang dự án đã có khối lượng hoàn thành, có nhu cầu bổ sung vốn trong nội bộ

ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương để bảo đảm giải ngân hết số vốn được giao; Khẩn trương làm thủ tục thanh toán vốn với Kho bạc nhà nước khi có khối lượng được nghiệm thu, không để dồn thanh toán vào cuối năm; khẩn trương hoàn thiện thủ tục phê duyệt quyết toán, giải ngân vốn các dự án hoàn thành đưa vào sử dụng; thực hiện hoàn trả tạm ứng, sử dụng vốn tạm ứng theo đúng quy định.

6. Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số

a) Tiếp tục bảo đảm hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin, các hệ thống thông tin dùng chung và các hệ thống chuyên ngành hoạt động ổn định; bảo đảm an toàn, an ninh thông tin khi sử dụng các ứng dụng và trong triển khai ứng dụng mới.

b) Các văn bản điện tử gửi trên môi trường mạng (qua các ứng dụng khác nhau) phải được ký số đầy đủ, bao gồm có đủ chữ ký số của lãnh đạo và ký số của cơ quan (dấu của cơ quan). Các tài liệu liên quan đến công việc chuyên môn nghiệp vụ phải được tạo lập hồ sơ công việc ngay khi bắt đầu thực hiện.

c) Cung cấp đầy đủ thông tin tại các chuyên mục cụ thể trên Cổng thông tin điện tử của các cơ quan nhà nước tỉnh Hưng Yên theo Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ phục vụ tra cứu, tìm kiếm thông tin, phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp trên môi trường mạng. Cung cấp đầy đủ dữ liệu mở của cơ quan nhà nước trên Cổng dữ liệu mở của tỉnh.

d) Tiếp tục nâng cấp về hạ tầng để phục vụ tốt công tác giải quyết TTHC trên địa bàn xã và bảo đảm tích hợp với Cổng dịch vụ công quốc gia, Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư và các Cơ sở dữ liệu, hệ thống thông tin chuyên ngành của các Bộ, ngành Trung ương và địa phương. Rà soát các TTHC đủ điều kiện tiếp nhận, giải quyết, trả kết quả hoàn toàn trực tuyến để cung cấp dưới dạng Dịch vụ công trực tuyến toàn trình trên cổng Dịch vụ công tỉnh và được đồng bộ danh mục TTHC với cổng Dịch vụ công quốc gia. Đẩy mạnh giải quyết TTHC bằng hình thức trực tuyến để nâng cao hiệu quả CCHC.

đ) Nâng cấp phần mềm theo dõi thực hiện nhiệm vụ đáp ứng các yêu cầu theo dõi thực hiện nhiệm vụ các cấp có liên thông dữ liệu với Hệ thống theo dõi nhiệm vụ của Chính phủ.

e) Tiếp tục duy trì Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến từ Trung ương đến địa phương, từ cấp tỉnh đến cấp xã.

g) Quản lý, vận hành, thường xuyên nâng cấp Hệ thống thông tin báo cáo tỉnh Hưng Yên bảo đảm đầy đủ các chức năng, tính năng theo quy định và tích hợp với Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ.

(Nhiệm vụ cụ thể theo Phụ lục đính kèm).

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Ban chỉ đạo của Ủy ban nhân dân xã về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số và Đề án 06 (Tổ công tác cải cách hành chính):

Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân xã thực hiện công tác chỉ đạo, điều hành.

Cụ thể:

a) Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy Đảng, chính quyền các cấp; sự phối hợp của các cơ quan, đơn vị, địa phương, sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc các cấp và của Nhân dân trong việc thực hiện công tác CCHC.

b) Thực hiện triển khai quy định đánh giá và Bộ Chỉ số CCHC, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường.

c) Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác CCHC; xây dựng chuyên mục thông tin điện tử về CCHC của xã; duy trì, phát triển và sử dụng có hiệu quả Hệ thống phần mềm chấm điểm Chỉ số CCHC đối với các sở, ban, ngành, UBND cấp xã.

d) Đẩy mạnh công tác thông tin, tuyên truyền về CCHC gắn với nâng cao chất lượng quản trị và hành chính công; nâng cao nhận thức, trách nhiệm của các cơ quan hành chính nhà nước, đơn vị sự nghiệp dịch vụ công, cán bộ, công chức, viên chức trong thực thi công vụ. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân tham gia vào tiến trình cải cách và giám sát chất lượng thực thi công vụ của cán bộ, công chức, viên chức.

đ) Tăng cường tự kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện công tác CCHC; kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ, kỷ cương hành chính, văn hóa công sở, văn hóa giao tiếp với Nhân dân của cán bộ, công chức, viên chức tại các cơ quan, đơn vị, địa phương trên địa bàn xã; gắn việc thực hiện công tác CCHC với công tác thi đua khen thưởng.

e) Đảm bảo kinh phí cho việc thực hiện Kế hoạch CCHC của xã; huy động các nguồn lực phục vụ cho việc thực hiện có hiệu quả công tác CCHC.

g) Tham gia đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức bằng các hình thức phù hợp, có hiệu quả. Tăng cường bồi dưỡng những kiến thức, kỹ năng cần thiết về CCHC cho đội ngũ công chức làm nhiệm vụ CCHC nhằm đáp ứng yêu cầu tham mưu, hướng dẫn triển khai, theo dõi công tác CCHC của các cơ quan, đơn vị, địa phương trong toàn xã.

2. Các phòng, ban ngành; các đơn vị sự nghiệp công lập thuộc Ủy ban nhân dân xã

a) Căn cứ kế hoạch của xã và tình hình thực tế của cơ quan, đơn vị, địa phương, cụ thể hóa chỉ tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch CCHC này; bố trí kinh phí triển khai thực hiện; xác định rõ mục tiêu, nhiệm vụ trọng tâm, những khâu đột phá, giải pháp chủ yếu phân công tổ chức thực hiện. Tổ chức thực hiện các nhiệm vụ Ủy ban nhân dân xã giao bảo đảm chất lượng, tiến độ, thời gian theo yêu cầu.

b) Tổ chức nghiên cứu, quán triệt, tuyên truyền về Chương trình tổng thể CCHC nhà nước giai đoạn 2021-2030 ban hành kèm theo Nghị quyết số 76/NQ-CP ngày 15/7/2021 của Chính phủ; Chỉ thị số 23/CT-TTg ngày 02/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nâng cao nhận thức, trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức đối với công tác CCHC, gắn vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương trong tổ chức thực hiện các nhiệm vụ CCHC ở phạm vi cơ quan, đơn vị mình phụ trách.

d) Lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ CCHC là cơ sở để đánh giá, xếp loại cán bộ, công chức, viên chức và mức độ hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu, cấp phó của người đứng đầu các cơ quan, đơn vị, địa phương.

đ) Tăng cường công tác tự kiểm tra CCHC, đồng thời tích cực đôn đốc việc triển khai thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo Ủy ban nhân dân xã kết quả thực hiện hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu cụ thể của Ủy ban nhân dân xã (qua Phòng Văn hóa - Xã hội tổng hợp).

e) Các phòng, ban ngành, địa phương chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã về kết quả thực hiện các nhiệm vụ phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực bảo đảm theo quy định.

3. Phòng Văn hóa - Xã hội xã

a) Hướng dẫn, đôn đốc, theo dõi, kiểm tra các phòng, ban, đơn vị có liên quan thực hiện Kế hoạch CCHC nhà nước 6 tháng cuối năm 2025 đảm bảo chất lượng, hiệu quả, đúng yêu cầu, tiến độ; tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã kết quả thực hiện Kế hoạch.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan: Rà soát, tham mưu Ủy ban nhân dân xã thực hiện Quy định đánh giá và Bộ Chỉ số CCHC, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công (PAPI), Chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh áp dụng đối với Ủy ban nhân dân các xã, phường.

c) Tham mưu trình Ủy ban nhân dân xã, Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã quyết định các biện pháp đẩy mạnh công tác CCHC trên địa bàn xã.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã về kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ: công tác chỉ đạo, điều hành; cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước; cải cách chế độ công vụ.

đ) Thực hiện chế độ báo cáo CCHC định kỳ, báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Trung ương, của tỉnh và tổng hợp báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ, ngành Trung ương theo quy định.

e) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan triển khai công tác thông tin và tuyên truyền về CCHC.

g) Tham mưu Ủy ban nhân dân xã tổ chức tổng kết việc thực hiện Kế hoạch CCHC nhà nước của xã năm 2025.

h) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ: Xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số. Chủ trì, theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về xây dựng và phát triển chính quyền điện tử, chính quyền số.

i) Triển khai các hoạt động tìm kiếm giải pháp, sáng kiến CCHC, tham mưu công nhận sáng kiến cấp tỉnh hằng năm.

k) Chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã kết quả thực hiện các nhiệm vụ nâng cao chất lượng dịch vụ hành chính công trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo và kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phân cấp quản lý nhà nước về khám bệnh, chữa bệnh.

4. Văn phòng HĐND - UBND xã

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách TTHC; chủ trì, theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách TTHC.

b) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan giúp Ủy ban nhân dân xã triển khai hoạt động kiểm soát TTHC tại phòng, ban, ngành xã.

c) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách thể chế; theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ cải cách thể chế.

d) Chủ trì triển khai nhiệm vụ tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật đến người dân, tổ chức.

5. Phòng Kinh tế xã

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ cải cách tài chính công. Chủ trì, theo dõi, tổng hợp việc triển khai thực hiện nhiệm vụ về cải cách tài chính công.

b) Hướng dẫn các phòng ban, đơn vị, địa phương trong việc lập dự toán ngân sách, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC đảm bảo theo quy định.

c) Bố trí kinh phí thực hiện các nhiệm vụ CCHC của xã theo kế hoạch.

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan tham mưu và chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân xã kết quả thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ: thu hút đầu tư và giải ngân vốn đầu tư công trên địa bàn xã.

6. Trung tâm Dịch vụ Văn hóa - Xã hội xã

Xây dựng chuyên trang, chuyên mục về CCHC để tăng cường tuyên truyền các nội dung về CCHC nhằm nâng cao nhận thức của cán bộ, công chức, viên chức và Nhân dân về công tác CCHC; phát hiện, biểu dương những điển hình tiên tiến, nhân tố mới, đồng thời đấu tranh chống các hành vi vi phạm pháp luật, các hiện tượng tiêu cực trong triển khai, thực hiện công tác CCHC; tiếp nhận ý kiến phản hồi của của người dân, doanh nghiệp, các cơ quan, tổ chức về thực hiện CCHC trên địa bàn xã.

Ủy ban nhân dân xã yêu cầu các phòng, ban, đơn vị, địa phương nghiêm túc thực hiện Kế hoạch này. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương kịp thời phản ánh về Phòng Văn hóa - Xã hội để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân xã xem xét, chỉ đạo./.

Nơi nhận:
- Sở Nội vụ (để báo cáo);
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND xã;
- Phòng, ban ngành xã;
- Các đơn vị SNCL thuộc UBND xã;
- Lãnh đạo Văn phòng HĐND - UBND xã;
- Cán bộ, công chức xã;
- Trung tâm dịch vụ VH-XH xã;
- Cổng Thông tin điện tử xã;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

UBND XÃ ĐẠI ĐỒNG T.HƯNG YÊN

Tôn Ngọc Chuẩn



Phụ lục

NHIỆM VỤ CỤ THỂ CỦA KẾ HOẠCH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH XÃ ĐẠI ĐỒNG 6 THÁNG CUỐI NĂM 2025

(Kèm theo Kế hoạch số 06 /KH-UBND ngày 28/7/2025 của UBND xã Đại Đồng)

STT	1- Nhiệm vụ	2- Hoạt động cụ thể	3- Kết quả/ Sản phẩm	4- Cơ quan Chủ trì	5- Cơ quan Phối hợp	6- Thời gian hoàn thành
I	**Cải cách thể chế**					
1	1.1. Xây dựng văn bản QPPL	2.1. Tham mưu triển khai thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2025 (sửa đổi, bổ sung năm 2025) và các nghị định hướng dẫn thi hành	Hội nghị, Kế hoạch/Công văn	Văn phòng HĐND-UBND xã	Các phòng, ban UBND xã	Quý III/2025
2		2.2. Xây dựng dự thảo văn bản quy phạm pháp luật đúng trình tự, thủ tục và đảm bảo chất lượng	Quyết định, Nghị quyết	Các phòng, ban UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Trong năm 2025
3	1.2. Thực hiện kiểm tra, rà soát văn bản QPPL năm 2025	2.3. Tiếp tục thực hiện nhiệm vụ kiểm tra, rà soát văn bản QPPL trên địa bàn xã theo quy định của pháp luật, kế hoạch của Ủy ban nhân dân tỉnh	Theo quy định	Các phòng, ban đã chủ trì soạn thảo văn bản của HĐND, UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Trong năm 2025
4		2.4. Xây dựng, tham mưu UBND xã ban hành Kế hoạch kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa văn bản QPPL năm 2026	Kế hoạch của UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Các phòng, ban UBND xã	Quý IV/2025
5	1.3. Thực hiện theo dõi thi hành pháp luật	2.5. Xây dựng văn bản chỉ đạo của UBND xã về công tác theo dõi thi hành pháp luật	Kế hoạch ; Công văn	Văn phòng HĐND-UBND xã	Các phòng, ban UBND xã	Trong năm 2025
6		2.6. Xém xét, đánh giá tình hình ban hành văn bản quy định chi tiết; các điều kiện đảm bảo cho thi hành pháp luật; tình hình tuân thủ pháp luật đối với lĩnh vực được theo dõi	Báo cáo	Văn phòng HĐND-UBND xã	Các phòng, ban UBND xã	Trong năm 2025

STT	1- Nhiệm vụ	2- Hoạt động cụ thể	3- Kết quả/ Sản phẩm	4- Cơ quan Chủ trì	5- Cơ quan Phối hợp	6- Thời gian hoàn thành
7		2.7. Xử lý kết quả theo dõi tình hình thi hành pháp luật	Văn bản xử lý (Văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế văn bản QPPL; công văn)	Văn phòng HĐND-UBND xã	Các phòng, ban UBND xã	Khi có phát hiện
II	**Cải cách thủ tục hành chính**					
8	1.4. Ban hành các văn bản chỉ đạo, điều hành và tổ chức thực hiện hoạt động kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử	2.8. Ban hành các văn bản, tổ chức thực hiện kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử	Công văn của UBND xã, Chủ tịch UBND xã.	Trung tâm phục vụ HCC xã	Văn phòng HĐND-UBND xã; Các phòng, ban UBND xã	Thường xuyên
9	1.5. Rà soát, kiện toàn, tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ và bảo đảm chế độ cho hệ thống cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC; công chức làm việc tại Bộ phận Một cửa và công chức tham gia quá trình giải quyết TTHC tại UBND xã.	2.9. Kịp thời đề nghị thay đổi cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC tại UBND xã để bảo đảm đủ số lượng và đúng thành phần quy định	Tờ trình của UBND xã	Trung tâm phục vụ HCC xã	Văn phòng HĐND-UBND xã; Các phòng, ban UBND xã	Ngay khi có thay đổi nhân sự thực hiện nhiệm vụ tại UBND xã
10		2.10. Tham gia tập huấn, bồi dưỡng nghiệp vụ để nâng cao năng lực cho hệ thống cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC; công chức tại Trung tâm phục vụ HCC và công chức, viên chức tham gia quá trình giải quyết TTHC tại UBND xã	Các lớp tập huấn nghiệp vụ	UBND tỉnh	Cán bộ, công chức liên quan	Trong năm 2025
11		2.11. Thực hiện bố trí và sử dụng kinh phí cho công tác kiểm soát TTHC quy định pháp luật về ngân sách nhà nước	- Văn bản hướng dẫn của cấp trên; - Kinh phí được bố trí cho công tác kiểm soát TTHC tại các cơ quan, đơn vị theo quy định.	Phòng Kinh tế	Trung tâm phục vụ HCC	Thường xuyên

STT	1- Nhiệm vụ	2- Hoạt động cụ thể	3- Kết quả/ Sản phẩm	4- Cơ quan Chủ trì	5- Cơ quan Phối hợp	6- Thời gian hoàn thành
12		2.12. Bảo đảm chế độ, chính sách cho cán bộ đầu mối kiểm soát TTHC và công chức tại Bộ phận Một cửa các cấp theo quy định tại Nghị quyết số 333/2020/NQ-HĐND ngày 01/12/2020 của HĐND tỉnh và Quyết định số 18/2015/QĐ-UBND ngày 29/9/2015 của UBND tỉnh.	Kinh phí được chi trả cho cán bộ đầu mối và cán bộ một cửa theo quy định	UBND xã.	Phòng Kinh tế; Văn phòng HĐND-UBND xã	Thường xuyên
13	1.6. Kiểm soát quy định về TTHC tại các dự thảo văn bản QPPL do xã ban hành	2.13. Thực hiện việc đánh giá tác động của TTHC trong dự thảo văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND xã, UBND xã	Bản đánh giá tác động của TTHC	Các phòng, ban UBND xã được giao chủ trì soạn thảo các dự thảo văn bản QPPL có quy định về TTHC	Văn phòng HĐND-UBND xã	Trong quá trình dự thảo đề nghị xây dựng văn bản QPPL và dự thảo văn bản QPPL
14		2.14. Tham gia ý kiến đối với quy định về TTHC trong dự thảo văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND tỉnh, UBND tỉnh; tổ chức lấy ý kiến cơ quan, tổ chức có liên quan và đối tượng chịu sự tác động của quy định về TTHC thông qua tham vấn, hội nghị, hội thảo hoặc biểu mẫu lấy ý kiến khi thấy cần thiết	Văn bản tham gia ý kiến của UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Các phòng, ban UBND xã	Khi nhận được đề nghị tham gia ý kiến của cơ quan chủ trì soạn thảo
15		2.15. Thẩm định quy định về TTHC trong dự thảo văn bản QPPL thuộc thẩm quyền ban hành của HĐND xã, UBND xã	Báo cáo thẩm định của Văn phòng HĐND-UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Các cơ quan, đơn vị, cá nhân có liên quan	Khi nhận được hồ sơ đề nghị thẩm định của cơ quan chủ trì soạn thảo

STT	1- Nhiệm vụ	2- Hoạt động cụ thể	3- Kết quả/ Sản phẩm	4- Cơ quan Chủ trì	5- Cơ quan Phối hợp	6- Thời gian hoàn thành
16	1.7. Công bố, công khai TTHC	2.16. Xây dựng Thông báo công khai TTHC hoặc công khai danh mục TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý sau khi văn bản QPPL có quy định về TTHC được HĐND, UBND tỉnh ban hành hoặc sau khi có Quyết định công bố TTHC của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ; gửi đến Văn phòng HĐND-UBND xã trước khi trình Chủ tịch UBND xã công bố	Quyết định công bố TTHC hoặc công bố danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh	Các phòng, ban UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Ngay sau khi văn bản QPPL có quy định về TTHC được HĐND, UBND tỉnh ban hành hoặc trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày có Quyết định công bố TTHC của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ
17		2.17. Nhập, đăng tải công khai dữ liệu TTHC đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố trên cơ sở dữ liệu Quốc gia về TTHC	Cơ sở dữ liệu TTHC đã được cập nhật, đăng tải trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	Trung tâm HCC xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định công bố TTHC hoặc Quyết định công bố danh mục TTHC của Chủ tịch UBND tỉnh
18		2.18. Thực hiện kết nối, tích hợp dữ liệu TTHC trên Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC để công khai trên Cổng thông tin điện tử tỉnh và trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	Cổng thông tin điện tử xã và hệ thống thông tin giải quyết TTHC được kết nối, tích hợp dữ liệu với Cơ sở dữ liệu quốc gia về TTHC	Trung tâm HCC xã		Duy trì thường xuyên

STT	1- Nhiệm vụ	2- Hoạt động cụ thể	3- Kết quả/ Sản phẩm	4- Cơ quan Chủ trì	5- Cơ quan Phối hợp	6- Thời gian hoàn thành
19		2.19. Công khai trên Cổng thông tin điện tử của xã và tại trụ sở cơ quan, tổ chức (nơi tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC) bằng hình thức niêm yết hoặc hình thức điện tử đối với tất cả TTHC thuộc thẩm quyền tiếp nhận, giải quyết đã được Chủ tịch UBND tỉnh công bố	Các TTHC được công khai theo đúng quy định	Các tổ chức, cá nhân được trao quyền tiếp nhận, giải quyết TTHC	Văn phòng HĐND-UBND xã	Duy trì thường xuyên
20	1.8. Tổ chức thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC tại UBND xã	2.20. Bảo đảm cơ sở hạ tầng, trang thiết bị, kinh phí hoạt động cho Trung tâm phục vụ Hành chính công xã, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ	Trung tâm phục vụ Hành chính công được trang bị các điều kiện đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ	UBND cấp xã	Các phòng, ban liên quan UBND xã	Thường xuyên
21		2.21. Hướng dẫn mô hình, trang thiết bị, nhận diện thương hiệu Trung tâm phục vụ Hành chính công theo hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ	Văn bản hướng dẫn	Cơ quan cấp trên	Cơ quan cấp trên	Tháng 7/2025
22		2.22. Xây dựng Tờ trình, dự thảo Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ giải quyết các TTHC thuộc phạm vi chức năng quản lý; gửi hồ sơ trình đến Văn phòng UBND xã để kiểm soát chất lượng trước khi trình Chủ tịch UBND xã phê duyệt	- Hồ sơ trình của các phòng, ban, ngành; - Văn bản góp ý kiến của Văn phòng HĐND- UBND xã; - Văn bản tiếp thu giải trình của cơ quan dự thảo quyết định; - Quyết định của Chủ tịch UBND xã.	Các phòng, ban UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày có Quyết định công bố TTHC của Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ

STT	1- Nhiệm vụ	2- Hoạt động cụ thể	3- Kết quả/ Sản phẩm	4- Cơ quan Chủ trì	5- Cơ quan Phối hợp	6- Thời gian hoàn thành
23		2.23. Thiết lập quy trình điện tử giải quyết TTHC trên cơ sở nội dung quy trình nội bộ đã được phê duyệt trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	Quy trình điện tử giải quyết TTHC được thiết lập tại Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh	Các phòng, ban UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Ngay sau khi có Quyết định phê duyệt quy trình nội bộ
24		2.24. Tổ chức giải quyết TTHC cho cá nhân, tổ chức theo đúng quy trình điện tử đã được thiết lập tại Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh; nâng cao hiệu quả phối hợp giữa các cơ quan, đơn vị trong giải quyết TTHC, nhất là các nhóm TTHC, dịch vụ công liên thông; nâng cao tỷ lệ hồ sơ được giải quyết và trả kết quả trước hạn, đúng hạn; thực hiện nghiêm túc trách nhiệm xin lỗi cá nhân, tổ chức khi để xảy ra hồ sơ quá hạn	- Toàn bộ quá trình xử lý hồ sơ TTHC được công khai trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và được tích hợp, đồng bộ lên Cổng DVC Quốc gia; - Phiếu xin lỗi.	Các phòng, ban UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Thường xuyên
25		2.25. Xây dựng các bộ hồ sơ mẫu hoặc tài liệu, video hướng dẫn trực quan sinh động về quy trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân để đăng tải trên Cổng thông tin điện tử xã; các trang mạng xã hội	Các bộ hồ sơ mẫu hoặc tài liệu, video hướng dẫn quy trình tiếp nhận, giải quyết hồ sơ và trả kết quả	Trung tâm phục vụ Hành chính công xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Trong năm 2025
26	1.9. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ công trực tuyến, thực hiện TTHC trên môi trường điện tử	2.26. Công bố danh mục TTHC đủ điều kiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình hoặc một phần	Quyết định của Chủ tịch UBND xã	Các phòng, ban UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Thường xuyên
27		2.27. Cung cấp các dịch vụ công trực tuyến toàn trình và một phần trên Hệ thống thông tin giải quyết	Các dịch vụ công trực tuyến được cung cấp trên Hệ thống thông tin	Các phòng, ban UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Thường xuyên

STT	1- Nhiệm vụ	2- Hoạt động cụ thể	3- Kết quả/ Sản phẩm	4- Cơ quan Chủ trì	5- Cơ quan Phối hợp	6- Thời gian hoàn thành
		TTHC huyện; kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia	giải quyết TTHC huyện; kết nối, tích hợp với Cổng Dịch vụ công quốc gia.			
28		2.28. Thực hiện số hóa thành phần hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC (bản giấy và bản điện tử) trong quá trình tiếp nhận, xử lý hồ sơ TTHC trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC xã	Dữ liệu điện tử TTHC được xác lập trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC	Các phòng, ban UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Thường xuyên
29		2.29. Thanh toán trực tuyến phí, lệ phí khi thực hiện TTHC thông qua Cổng Dịch vụ công quốc gia	Các TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được tích hợp để người dân có thể thanh toán trực tuyến trên Cổng DVC quốc gia	Trung tâm phục vụ HCC	Các phòng, ban UBND xã	Thường xuyên
30		2.30. Tuyên truyền, hướng dẫn, khuyến khích người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến, thanh toán trực tuyến khi thực hiện thủ tục hành chính; sử dụng tài khoản định danh điện tử VNeID mức 2 Bộ Công an cấp để thực hiện nộp hồ sơ trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính	Các hoạt động tuyên truyền, hướng dẫn người dân, doanh nghiệp sử dụng dịch vụ công trực tuyến	Trung tâm phục vụ HCC	Các phòng, ban UBND xã	Thường xuyên
31	1.10. Rà soát, đánh giá TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết UBND xã	2.31. Tổ chức thực hiện Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2025 với mục tiêu kịp thời phát hiện để quyết định theo thẩm quyền hoặc kiến nghị cấp có thẩm quyền quyết định việc sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ hoặc hủy bỏ những	Các sản phẩm rà soát, đánh giá TTHC theo quy định của pháp luật và Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC tỉnh Hưng Yên năm 2025	Các phòng, ban được giao chủ trì rà soát, đánh giá TTHC	Văn phòng HĐND-UBND xã phối hợp	Theo Kế hoạch rà soát, đánh giá TTHC năm 2025 của UBND tỉnh và hoàn thành muộn nhất

STT	1- Nhiệm vụ	2- Hoạt động cụ thể	3- Kết quả/ Sản phẩm	4- Cơ quan Chủ trì	5- Cơ quan Phối hợp	6- Thời gian hoàn thành
		TTHC không cần thiết, không phù hợp, không đáp ứng được các nguyên tắc về quy định và thực hiện TTHC	của UBND tỉnh			15/9/2025
32		2.32. Xây dựng dự thảo văn bản thực thi phương án đơn giản hóa TTHC thuộc thẩm quyền của HĐND, UBND xã (nếu có)	Văn bản QPPL của HĐND, UBND xã	Các phòng, ban UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Theo nhiệm vụ được giao tại phương án đơn giản hóa TTHC của xã
33	1.11. Công bố, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước	2.33. Tiếp tục thực hiện hiệu quả việc công bố, rà soát, đơn giản hóa TTHC nội bộ trong hệ thống cơ quan hành chính nhà nước theo Kế hoạch số 79/KH-UBND ngày 15/4/2025 của UBND tỉnh thực hiện Nghị quyết số 66/NQCP ngày 26/3/2025 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Hưng Yên	- Tờ trình, Quyết định công bố TTHC nội bộ của Chủ tịch UBND xã; - Báo cáo rà soát đơn giản hóa, Tờ trình, Quyết định của Chủ tịch UBND xã.	Các phòng, ban UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Theo Kế hoạch của UBND tỉnh và hướng dẫn của Văn phòng Chính phủ
34	1.12. Thực hiện Bộ chỉ số Phục vụ người dân, doanh nghiệp theo Quyết định số 766/QĐ-TTg ngày 23/6/2022 của Thủ tướng Chính phủ	2.34. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt kết quả Bộ chỉ số của các cơ quan, đơn vị trên Cổng Dịch vụ công quốc gia (https://quantri.dichvucong.gov.vn/), lấy đó là một cơ sở quan trọng phục vụ công tác chỉ đạo điều hành thực hiện các nhiệm vụ về cải cách, kiểm soát TTHC, nhất là về giải quyết TTHC, cung cấp dịch vụ công	- Kết quả thực hiện của các cơ quan trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; - Văn bản chỉ đạo, điều hành của UBND xã; - Bộ chỉ số hàng tháng được công khai trên Cổng Thông tin điện tử tỉnh, Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh, Cổng thông tin điện tử xã	Trung tâm phục vụ HCC	Các cá nhân, tổ chức có liên quan	- Theo dõi, chỉ đạo: thường xuyên; - Công bố công khai hàng tháng

STT	1- Nhiệm vụ	2- Hoạt động cụ thể	3- Kết quả/ Sản phẩm	4- Cơ quan Chủ trì	5- Cơ quan Phối hợp	6- Thời gian hoàn thành
35	1.13. Đẩy mạnh công tác truyền thông, huy động cá nhân, tổ chức tham gia kiểm soát TTHC	2.35. Đẩy mạnh công tác truyền thông, huy động cá nhân, tổ chức tham gia kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử	Các sản phẩm truyền thông theo quy định tại Kế hoạch truyền thông	Các phòng, ban UBND xã	Trung tâm Dịch vụ VH-XH xã	Theo Kế hoạch truyền thông năm 2025 của UBND xã
36	1.14. Tiếp nhận, xử lý phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính, TTHC, việc thực hiện TTHC thuộc phạm vi quản lý của UBND xã, Chủ tịch UBND xã	2.36. Công khai địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND xã, Chủ tịch UBND xã tại trụ sở UBND xã.	Địa chỉ tiếp nhận phản ánh, kiến nghị về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND xã, Chủ tịch UBND xã được công khai tại Bộ phận Một cửa UBND xã	Các cơ quan nhà nước, tổ chức, cá nhân được trao quyền tiếp nhận, giải quyết TTHC trên địa bàn xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Thường xuyên
37		2.37. Tiếp nhận, nghiên cứu và phân loại các phản ánh, kiến nghị của cá nhân, tổ chức về quy định hành chính thuộc phạm vi quản lý của UBND xã, Chủ tịch UBND xã để tham mưu chuyển cho các cán bộ, công chức, đơn vị liên quan xử lý theo quy định của pháp luật	- Tiếp nhận, phân loại phản ánh, kiến nghị theo quy định; - Văn bản của UBND xã về việc chuyển phản ánh, kiến nghị để xử lý.	Trung tâm phục vụ HCC xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Thường xuyên
38		2.38. Xử lý phản ánh, kiến nghị theo văn bản chuyển phản ánh, kiến nghị của UBND tỉnh	Kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị	UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Khi nhận được văn bản phản ánh, kiến nghị
39		2.39. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc xử lý phản ánh, kiến nghị; tổng hợp, báo cáo và công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị theo	- Tổng hợp kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị, báo cáo UBND huyện định kỳ hàng tháng,	Văn phòng HĐND-UBND xã	Các phòng, ban liên quan	Thường xuyên

STT	1- Nhiệm vụ	2- Hoạt động cụ thể	3- Kết quả/ Sản phẩm	4- Cơ quan Chủ trì	5- Cơ quan Phối hợp	6- Thời gian hoàn thành
		quy định	hàng quý, 01 năm hoặc đột xuất theo yêu cầu; - Công khai kết quả xử lý phản ánh, kiến nghị theo quy định.			
40	1.15. Kiểm tra công tác kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử	2.40. Đẩy mạnh tự kiểm tra, đánh giá định kỳ, đột xuất và chuyên đề công tác kiểm soát TTHC, thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử tại các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã	Hoạt động kiểm tra được triển khai thực hiện theo Kế hoạch.	Văn phòng HĐND-UBND xã	Các phòng, ban liên quan	Theo Kế hoạch tự kiểm tra năm 2025 của UBND xã
41	1.16. Thực hiện chế độ báo cáo	2.41. Báo cáo Văn phòng UBND tỉnh về công tác kiểm soát TTHC, triển khai cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết TTHC và thực hiện TTHC trên môi trường điện tử	Báo cáo	Trung tâm phục vụ HCC xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Định kỳ hàng tháng, hàng quý, 01 năm theo quy định hoặc đột xuất khi có yêu cầu
III	**Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước**					
42	1.17. Tiếp tục tổ chức kiện toàn và sắp xếp bộ máy chính quyền các cấp đảm theo quy định	2.42. Tiếp tục rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của UBND xã theo quy định của Chính phủ và hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương	Quyết định		UBND xã	Theo quy định của Chính phủ và khi có văn bản hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương
43		2.43. Tiếp tục sắp xếp, quy định cụ thể chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức bộ máy của Phòng chức năng, Trung tâm thuộc UBND xã đảm bảo đúng quy định	Quyết định	Các phòng, ban, trung tâm UBND xã	Phòng VH-XH xã	Trong năm 2025

STT	1- Nhiệm vụ	2- Hoạt động cụ thể	3- Kết quả/ Sản phẩm	4- Cơ quan Chủ trì	5- Cơ quan Phối hợp	6- Thời gian hoàn thành
44	1.18. Rà soát, sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập trực thuộc và tổ chức bộ máy bên trong theo hướng tinh gọn, giảm số lượng đơn vị sự nghiệp công lập	2.44. Rà soát chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, cơ cấu tổ chức của các đơn vị sự nghiệp công lập theo hướng dẫn của bộ, ngành Trung ương	Quyết định	UBND xã	Phòng VH-XH xã	Trong năm 2025
45		2.45. Thẩm định quy hoạch mạng lưới các đơn vị sự nghiệp công lập theo ngành, lĩnh vực quản lý	Công văn	UBND xã	Phòng VH-XH, Phòng Kinh tế	Trong năm 2025
46		2.46. Thẩm định, trình xếp hạng các đơn vị sự nghiệp công lập theo quy định của pháp luật và phân cấp của tỉnh	Báo cáo/Quyết định	UBND xã	Phòng VH-XH xã	Trong năm 2025
47		2.47. Sắp xếp, cơ cấu lại đội ngũ công chức, viên chức đảm bảo theo vị trí việc làm; thực hiện chính sách tinh giản biên chế theo quy định	Quyết định	UBND xã	Phòng VH-XH xã	Thường xuyên
48	1.19. Kịp thời giải quyết chế độ chính sách đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động	2.48. Thực hiện giải quyết chế độ nghỉ hưu trước tuổi, thôi việc ngay đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động	Tờ trình	UBND xã	Phòng VH-XH xã	Theo đề nghị của CBCCVC
49	1.20. Thực hiện quản lý biên chế công chức, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính nhà nước đảm bảo không vượt quá số biên chế được giao	2.49. Tham mưu cấp có thẩm quyền thực hiện giao biên chế công chức, số lượng người làm việc, lao động hợp đồng trong các cơ quan, tổ chức hành chính, đơn vị sự nghiệp công lập sau khi thực hiện hợp nhất xã.	Kế hoạch/Công văn	UBND xã	Phòng VH-XH xã	Trong năm 2025
IV	**Cải cách chế độ công vụ**					
50	1.21. Xây dựng Đề án vị trí việc làm khối hành chính, sự nghiệp sau khi hợp nhất tỉnh để làm cơ sở thực hiện việc quản lý, tuyển	2.50. Thẩm định trình cấp có thẩm quyền phê duyệt (hoặc có văn bản thống nhất) Đề án điều chỉnh vị trí việc làm của các CBCCVC	Tờ trình, dự thảo Quyết định/ Công văn	UBND xã	Các phòng, ban UBND xã	Quý III, IV/ 2025

STT	1- Nhiệm vụ	2- Hoạt động cụ thể	3- Kết quả/ Sản phẩm	4- Cơ quan Chủ trì	5- Cơ quan Phối hợp	6- Thời gian hoàn thành
	dụng công chức, viên chức					
51	1.22. Triển khai nội dung, chương trình, tài liệu bồi dưỡng; hồ sơ tổ chức các lớp bồi dưỡng, tập huấn; thông báo triệu tập học viên tham gia các lớp bồi dưỡng, tập huấn	2.51. Rà soát các chương trình, tài liệu để thực hiện đề nghị các đơn vị đăng ký danh sách cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, tập huấn	Công văn, Thông báo, Chương trình	Các cơ quan, đơn vị chủ trì theo kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng năm 2025 của UBND tỉnh	Các phòng, ban UBND xã	Khi có lịch tập huấn, bồi dưỡng
52	1.23. Triển khai thực hiện chế độ tiền lương và xếp lại chức danh nghề nghiệp đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã	2.52. Rà soát, cập nhật thường xuyên quy định về chế độ tiền lương đảm bảo thực hiện chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn xã theo quy định.	Hướng dẫn, Quyết định	UBND xã	Phòng VH-XH Xã	Thường xuyên
53		2.53. Hướng dẫn xếp lại chức danh nghề nghiệp, lương đối với viên chức giáo viên tuyển dụng sau ngày 03/11/2015 theo các Thông tư của Bộ Giáo dục và Đào tạo				Thường xuyên
54	1.25. Cập nhật Cơ sở dữ liệu về CBCCVC của tỉnh bảo đảm theo quy định (đáp ứng đủ 109 trường dữ liệu thông tin), đồng bộ, kết nối với Cơ sở dữ liệu quốc gia về CBCCVC của BNV, sử dụng, khai thác Cơ sở dữ liệu bảo đảm thông suốt, hiệu quả	2.54. Rà soát, cập nhật cơ phòng dữ liệu cán bộ, công chức của xã và thực hiện đồng bộ, kết nối với Cơ phòng dữ liệu quốc gia về CBCCVC của Bộ Nội vụ	Công văn, Báo cáo	UBND xã	Các phòng, ban UBND xã	Quý III/2025

STT	1- Nhiệm vụ	2- Hoạt động cụ thể	3- Kết quả/ Sản phẩm	4- Cơ quan Chủ trì	5- Cơ quan Phối hợp	6- Thời gian hoàn thành
55	1.26. Thực hiện các quy định về công tác cán bộ theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị	2.55. Thẩm định hồ sơ, thực hiện các quy định về công tác cán bộ theo đề nghị của các cơ quan, đơn vị	Công văn, Tờ trình	UBND xã	Phòng VH-XH xã	Thường xuyên
56	1.27. Đánh giá, xếp loại chất lượng đối với cán bộ, công chức, viên chức	2.56. Thực hiện quy trình đánh giá, xếp loại chất lượng hằng tháng đối với cá nhân CBCCVC theo quy định	Thông báo kết quả đánh giá, xếp loại chất lượng hàng tháng đối với CBCC	Phòng VH-XH xã	Các phòng, ban UBND xã	Thường xuyên
57	1.28. Thường xuyên thực hiện công tác kiểm tra việc chấp hành kỷ luật, kỷ cương hành chính, xử lý nghiêm tình trạng lợi dụng chức vụ, quyền hạn để trục lợi cá nhân; kịp thời phát hiện, xử lý nghiêm minh những tổ chức, cá nhân sai phạm	2.57. Tổ chức tự kiểm tra	Kế hoạch, báo cáo	Phòng VH-XH xã	Các phòng, ban UBND xã	Thường xuyên
V	**Cải cách tài chính công**					
58	1.29. Tăng cường chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ, hiệu quả giải ngân vốn đầu tư công	2.58. Hồ sơ thanh toán, báo cáo giải ngân	Công văn, Kế hoạch, văn bản đôn đốc thực hiện, tháo gỡ khó khăn trong giải ngân vốn …	UBND xã	Phòng Kinh tế xã	Thường xuyên
59	1.30. Tổ chức thực hiện các kiến nghị sau thanh tra, kiểm tra, kiểm toán nhà nước về tài chính, ngân sách	2.59. Thực hiện điều chỉnh dự toán, quyết toán, thực hiện quy trình nội bộ	Báo cáo, Quyết định	UBND xã	Phòng Kinh tế xã	Khi có văn bản chỉ đạo
60	1.31. Ban hành quy định về quản lý tài sản công đảm bảo đúng quy định của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công	2.60. Tham mưu văn bản về quản lý tài sản công	Quyết định	UBND xã	Phòng Kinh tế xã	Sau khi có các quy định

STT	1- Nhiệm vụ	2- Hoạt động cụ thể	3- Kết quả/ Sản phẩm	4- Cơ quan Chủ trì	5- Cơ quan Phối hợp	6- Thời gian hoàn thành
61	1.32. Ban hành quy chế quản lý, sử dụng tài sản công đảm bảo đúng quy định	2.61. Tham mưu văn bản về quản lý tài sản công	Quyết định	UBND xã	Phòng Kinh tế xã	Sau khi có các quy định
62	1.33. Triển khai thực hiện đúng các quy định về sắp xếp lại, xử lý nhà, đất thuộc thẩm quyền quản lý	2.62. Tham mưu văn bản về quản lý tài sản công	Báo cáo	UBND xã	Phòng Kinh tế xã	Thường xuyên
63	1.34. Đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo cơ chế thị trường, nhất là lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, khoa học công nghệ, …	2.63. Thực hiện rà soát, sửa đổi, bổ sung cơ chế, chính sách tạo điều kiện đẩy mạnh xã hội hóa cung ứng dịch vụ sự nghiệp công	Quyết định, Văn bản	UBND xã	Phòng Kinh tế xã	Thường xuyên
64	1.35. Tiếp tục thực hiện quy định cơ chế tự chủ tài chính của đơn vị sự nghiệp công lập theo Nghị định số 60/2021/NĐ-CP	2.64. Ban hành, sửa đổi, bổ sung danh mục dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi quản lý theo quy định tại khoản 3 Điều 4 Nghị định số 60/2021/NĐ-CP; khoản 3 Điều 3 Thông tư số 56/2022/TT-BTC cho phù hợp với tình hình thực tế trong từng	Công văn, Kế hoạch, Nghị quyết, Quyết định, …	UBND xã	Phòng Kinh tế xã và các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
65		2.65. Ban hành, sửa đổi, bổ sung định mức kinh tế - kỹ thuật, định mức chi phí (nếu có) làm cơ sở ban hành đơn giá, giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật để làm cơ sở giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung ứng dịch vụ sự nghiệp công theo quy định tại Nghị định số 32/2019/NĐ-CP ngày 10/4/2019 của Chính phủ (Nghị định số 32/2019/NĐ-CP) quy định giao nhiệm vụ, đặt hàng hoặc đấu thầu cung cấp sản phẩm, dịch vụ công sử dụng ngân sách nhà nước từ nguồn	Công văn, Kế hoạch, Nghị quyết, Quyết định, …	Các đơn vị sự nghiệp công lập	Phòng Kinh tế xã và các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên

STT	1- Nhiệm vụ	2- Hoạt động cụ thể	3- Kết quả/ Sản phẩm	4- Cơ quan Chủ trì	5- Cơ quan Phối hợp	6- Thời gian hoàn thành
		kinh phí chi thường xuyên				
66		2.66. Ban hành tiêu chí, tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước; cơ chế giám sát, đánh giá, kiểm định chất lượng và quy chế kiểm tra, nghiệm thu dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách Nhà nước thuộc phạm vi quản lý; hiệu quả hoạt động của đơn vị sự nghiệp công	Công văn, Kế hoạch, Nghị quyết, Quyết định, …	UBND xã	Phòng Kinh tế xã và các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
67		2.67. Ban hành giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước theo lộ trình tính giá dịch vụ sự nghiệp công sử dụng ngân sách nhà nước tại Nghị định số 60/2021/NĐ-CP	Công văn, Kế hoạch, Nghị quyết, Quyết định, …	UBND xã	Phòng Kinh tế xã và các cơ quan, đơn vị liên quan	Thường xuyên
68	1.36. Công khai tài chính (1. Công khai dự toán ngân sách 2025; 2. Công khai số liệu và thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm); 3. Công khai quyết toán ngân sách nhà nước 2024)	2.68. Xây dựng các văn bản; Báo cáo kết quả thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định	Nghị quyết, Quyết định; Các văn bản; Báo cáo kết quả thực hiện được cấp có thẩm quyền phê duyệt, quyết định	UBND xã	Phòng Kinh tế xã và các cơ quan, đơn vị liên quan	Trong năm 2025
VI	**Xây dựng và phát triển Chính quyền điện tử, Chính quyền số**					
69	1.37. 100% cơ quan nhà nước sử dụng hiệu quả Mạng truyền số liệu chuyên dùng của các cơ quan Đảng, Nhà nước (mạng TSLCD)	2.69. Đảm bảo hệ thống mạng nội bộ luôn duy trì kết nối với mạng TSLCD	Báo cáo kết quả thực hiện	Phòng, ban ngành UBND xã	Phòng VH-XH xã	Thường xuyên
70	1.38. 100% văn bản điện tử gửi, nhận trên môi trường mạng được ký số đầy đủ theo quy định của nhà nước (trừ văn bản mật thuộc phạm vi bí mật nhà nước)	2.70. Thực hiện ký số trên các tài liệu điện tử	Báo cáo kết quả thực hiện; dữ liệu hệ thống	Phòng, ban ngành UBND xã	Phòng VH-XH xã	Thường xuyên

STT	1- Nhiệm vụ	2- Hoạt động cụ thể	3- Kết quả/ Sản phẩm	4- Cơ quan Chủ trì	5- Cơ quan Phối hợp	6- Thời gian hoàn thành
71	1.39. 100% công tác báo cáo, các chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo tỉnh (không bao gồm nội dung mật) được tạo lập, cập nhật, lưu giữ, trên hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	2.71. Thực hiện báo cáo trên hệ thống thông tin báo cáo cấp tỉnh	Báo cáo kết quả thực hiện; dữ liệu hệ thống…	Phòng, ban ngành UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Thường xuyên
72	1.40. Thực hiện chuẩn hóa, đơn giản hóa quy trình đối với 100% các TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của các cơ quan, đơn vị trên địa bàn xã để cung cấp trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh đảm bảo đồng bộ danh mục TTHC với cổng Dịch vụ công quốc gia	2.72. Thực hiện chuẩn hóa	Báo cáo kết quả thực hiện	Phòng, ban ngành UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Thường xuyên
73	1.41. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến toàn trình đối với 82 nhóm TTHC theo Quyết định số 06/QĐ-TTg ngày 06/01/2022, Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 28/02/2024, Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 04/4/2022 của Thủ tướng Chính phủ	2.73. Thực hiện cung cấp dịch vụ công toàn trình	Báo cáo kết quả thực hiện; dữ liệu hệ thống	Phòng, ban ngành UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Thường xuyên
74	1.42. Tối thiểu 80% hồ sơ TTHC được xử lý hoàn toàn trực tuyến	2.74. Thực hiện giải quyết hồ sơ TTHC	Báo cáo kết quả thực hiện; dữ liệu hệ thống	Phòng, ban ngành UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Thường xuyên
75	1.43. 100% kết quả giải quyết TTHC điện tử được số hóa	2.75. Thực hiện số hóa	Báo cáo kết quả thực hiện; dữ liệu hệ thống	Phòng, ban ngành UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Thường xuyên
76	1.44. 60% TTHC có yêu cầu nghĩa vụ tài chính được thanh toán trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc	2.76. Thực hiện thanh toán	Báo cáo kết quả thực hiện; dữ liệu hệ thống	Phòng, ban ngành UBND xã	Văn phòng HĐND-UBND xã	Thường xuyên

STT	1- Nhiệm vụ	2- Hoạt động cụ thể	3- Kết quả/ Sản phẩm	4- Cơ quan Chủ trì	5- Cơ quan Phối hợp	6- Thời gian hoàn thành
	gia					
77	1.45. Cổng thông tin điện tử của xã cung cấp đầy đủ thông tin theo quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐCP ngày 24/6/2022 của Chính phủ	2.77. Thực hiện cung cấp thông tin	Báo cáo kết quả thực hiện; dữ liệu hệ thống	Phòng, ban ngành UBND xã	Phòng VH-XH xã	Thường xuyên
VII	**Công tác chỉ đạo, điều hành**					
78	1.46. Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt việc triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung, nhiệm vụ CCHC nhà nước theo Chương trình tổng thể của CCHC nhà nước của Chính phủ và của Bộ, ngành Trung ương giai đoạn 2021-2030, của huyện, của xã giai đoạn 2021-2030, bảo đảm chất lượng, hiệu quả, đúng tiến độ	2.78. Xây dựng các văn bản chỉ đạo, điều hành thực hiện các nhiệm vụ CCHC.	Chương trình, Kế hoạch	Phòng VH-XH xã	Các phòng, ngành liên quan	Thường xuyên
79		2.79. Thực hiện chấn chỉnh, quy trách nhiệm khi phát hiện tồn tại, hạn chế	Công văn chấn chỉnh, đánh giá trách nhiệm	Phòng VH-XH xã	Các phòng, ngành liên quan	Thường xuyên
80	1.47. Tổ chức triển khai các Bộ Chỉ số: Chỉ số CCHC, Chỉ số hiệu quả quản trị và hành chính công PAPI, Chỉ số nâng cao năng lực cạnh tranh áp dụng đối với các sở, ban, ngành tỉnh và UBND các xã, phường	2.80. Tổ chức, triển khai tự đánh giá, chấm điểm Chỉ số CCHC	Báo cáo tự đánh giá	Phòng VH-XH xã	Các phòng, ngành liên quan	Khi có triển khai của cấp trên
81		2.81. Tổ chức chấm điểm, tổng hợp kết quả xác định	Báo cáo tự đánh giá	Phòng VH-XH xã	Các phòng, ngành liên quan	Khi có triển khai của cấp trên
82	1.48. Tiếp tục ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý công tác CCHC; duy trì, phát triển và sử dụng có hiệu quả Hệ thống phần mềm chấm điểm chỉ số CCHC đối với xã	2.82. Tham gia các cuộc họp giao ban trực tuyến giữa UBND xã và UBND tỉnh	Cuộc họp	UBND tỉnh	UBND xã	Thường xuyên
83		2.83. Phối hợp nâng cấp phần mềm chấm điểm chỉ số CCHC	Phần mềm, dữ liệu	UBND tỉnh	UBND xã	Thường xuyên
84	1.49. Tăng cường công tác tuyên truyền về CCHC bằng các hình thức thiết thực, phong phú, đa	2.84. Phát triển các hình thức tuyên truyền	Tin bài, phóng sự, tờ rơi…	Phòng VH-XH; Trung tâm dịch	Các phòng, ngành liên quan	Thường xuyên

STT	1- Nhiệm vụ	2- Hoạt động cụ thể	3- Kết quả/ Sản phẩm	4- Cơ quan Chủ trì	5- Cơ quan Phối hợp	6- Thời gian hoàn thành
	dạng, hiệu quả			vụ VH-XH		
85	1.50. Tăng cường công tác tự kiểm tra, giám sát việt thực hiện CCHC, kịp thời chỉ đạo, khắc phục những tồn tại, hạn chế	2.85. Thực hiện tự kiểm tra	Kế hoạch, Báo cáo	Phòng VH-XH	Các phòng, ngành liên quan	Tháng 9/2025
86		2.86. Thực hiện chấn chỉnh sau các cuộc tự kiểm tra	Văn bản chấn chỉnh	Phòng VH-XH	Các phòng, ngành liên quan	Sau khi thực hiện tự kiểm tra xong